

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HS-ST
Ngày 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Cường
2. Ông Nguyễn Duy Chân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 14/9/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 16/9/2020, đối với:

Bị cáo **Trần Đại N** (*có mặt*), tên gọi khác: không, sinh ngày 03/3/2002, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn V, sinh năm 1974 và con bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1975 (cùng trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ); tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến nay và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn V (*có mặt*), sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Đoàn Minh T (*vắng mặt*), sinh năm 2002

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Ông Lê Văn T (*có mặt*), sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09/6/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo Trần Đại N (*là đối tượng nghiện ma túy, trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ*) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23 (*xe của ông Trần Văn V, sinh năm 1974, trú thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ – là bố của bị cáo N*) đi từ nhà ở thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đến nhà nghỉ Nhã Linh ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ gặp một người phụ nữ tên M (*chưa rõ nhân thân, lý lịch*) mua 01 gói ma túy với số tiền 800.000 đồng mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo N lấy một ít ma túy ra sử dụng, phần còn lại bị cáo N cất giấu trong vành mũ lưỡi trai màu đen đội lên đầu và trở về nhà ở thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, bị cáo N lấy mũ lưỡi trai màu đen cùng gói ma túy đang để trong vành mũ đội lên đầu rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 034.23 đến đón anh Trần Đoàn Minh T (*sinh ngày 07/6/2002, trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ*) đi dự đám giỗ của gia đình anh Trần Thành T (*sinh năm 1995, trú thôn Đ, xã T, huyện Đ*). Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, sau khi dự đám giỗ xong thì anh Trần Đoàn Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 034.23 chở bị cáo N ra về. Khi đi đến khu vực quán cơm Thảo V ở thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ thì bị lực lượng Biên phòng cửa khẩu Thuận An thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông phát hiện và bắt quả tang bị cáo Trần Đại N đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm: thu giữ trong vành mũ lưỡi trai màu đen mà N đang đội trên đầu 01 gói nilon trong suốt, bên trong có chứa những hạt tinh thể màu trắng không đồng nhất (*nghi là ma túy*); 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu sơn đen, loại bàn phím cứng, 01 sim số thuê bao 0849.342.348; 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23.

Ngày 16/6/2020, Đoàn biên phòng cửa khẩu Thuận An thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 82/KLMT-PC09 ngày 15/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (*một*) gói nilon trong suốt được niêm phong trong bì thư gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu là 1,0587 gam; là Methamphetamine (*hoàn lại sau giám định có khối lượng mẫu là 0,8936 gam*).

Tại Bản cáo trạng số: 43/CTr – VKS ngày 14/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Trần Đại N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đại N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil

truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng, không oan. Bị cáo cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi được nói lời sau cùng.

Ý kiến của người có quyền lợi, N vụ liên quan: ông Trần Văn V (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda AIRBLADE, biển kiểm soát 48E1 – 034.23, không bị hư hỏng nên không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Trần Đại N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và xử phạt từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/6/2020.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và xử lý vật chứng trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23 cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu, tiêu hủy 0,8936 gam ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia đã thu giữ của bị cáo do liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 sim số 0849.342.348 và 01 mũ lưới trai màu đen do là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Trần Đại N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng nữ tên M là người bán ma túy cho bị cáo Trần Đại N. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Trần Đoàn Minh T, quá trình điều tra xác định việc bị cáo N tàng trữ trái phép 1,0587 gam ma túy trong người để sử dụng nhưng anh T không biết nên không xem xét xử lý đối với anh T.

Đối với ông Trần Văn V cho bị cáo Trần Đại N mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23

để đi lại nhưng việc bị cáo N sử dụng chiếc xe mô tô này vào việc đi mua và tàng trữ ma túy thì ông V không biết, do đó không xem xét xử lý đối với ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đại N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, N vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 19 giờ 20 phút ngày 12/6/2020, tại khu vực gần quán cơm Thảo V, thuộc thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ, lực lượng Đoàn biên phòng cửa khẩu Thuận An thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông, đã phát hiện và bắt quả tang bị cáo Trần Đại N có hành vi tàng trữ trái phép 1,0587 gam ma túy là chất Methamphetamine với mục đích để sử dụng; hành vi này của bị cáo Trần Đại N đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự cho nên hành vi của bị cáo Trần Đại N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[6] Hành vi mà bị cáo Trần Đại N đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự trị an tại địa phương, đồng thời đây cũng là tiền đề phát sinh các tệ nạn xã hội khác; do đó,

cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo Trần Đại N đã thực hiện.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đại N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Về nhân thân của bị cáo: Tiền án, tiền sự không, phạm tội lần đầu, bị cáo có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Trần Đại N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[9] Đối với đối tượng nữ tên M là người đã bán ma túy cho bị cáo Trần Đại N. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Công an huyện Đắk Mil cần tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10] Đối với việc anh Trần Đoàn Minh T có đi cùng bị cáo N đến đám giỗ nhà anh T nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều xác định việc bị cáo N tàng trữ trái phép 1,0587 gam ma túy trong người để sử dụng nhưng anh T không biết nên không xem xét xử lý đối với anh T.

[11] Đối với ông Trần Văn V cho bị cáo Trần Đại N mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23 để đi lại. Việc N sử dụng chiếc xe mô tô này vào việc đi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy thì ông V không biết, do đó không xem xét xử lý đối với ông V.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23 cho chủ sở hữu hợp pháp (ông Trần Văn V) là phù hợp nên cần chấp nhận. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu sơn đen, loại bàn phím cứng đã thu giữ của bị cáo N do liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp. Đối với 01 sim điện thoại mang số 0849.342.348 (tại phiên tòa bị cáo N khai đã sử dụng chiếc điện thoại và sim số này để liên lạc với người phụ nữ tên M để mua ma túy) và 01 mũ lưỡi trai màu đen do là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 0,8936 gam ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định cần tịch thu, tiêu hủy.

[13] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 46, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Đại N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đại N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và xử lý vật chứng trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu đen-đỏ, biển kiểm soát 48E1 – 034.23 cho ông Trần Văn V là chủ sở hữu hợp pháp *(có đặc điểm như biên bản trả lại đồ vật, tài liệu của Cơ quan công an huyện Đắk Mil)*.

2.2. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu sơn đen, loại bàn phím cứng do liên quan đến việc phạm tội *(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ ngày 14/9/2020)*.

2.3. Tịch thu, tiêu hủy 0,8936 gam ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định *(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ ngày 14/9/2020)*.

2.4. Tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0849.342.348 và 01 mũ lưỡi trai màu đen *(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ ngày 14/9/2020)*.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Đại N phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, N vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đl;
- Công an huyện Đắk Mil
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng